TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK HÀ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 27 /2019/QĐST-HNGĐ	*Đăk Hà, ngày 19 tháng 3 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 14/2019/TLST – HNGĐ ngày 02/01/2019 . (Thụ lý cũ số 155 /2018/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2018), giữa :

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh Th.

Địa chỉ: Thôn T L A, xã Đ Hr, huyện Đ H, tỉnh K T.

Bị đơn: Anh Hoàng Công V.

Địa chỉ: Thôn T L A, xã Đ Hr huyện Đ H, tỉnh K T.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 55, 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Thanh Th và anh Hoàng Công V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh Th và anh Hoàng Công V thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai đương sự xác nhận vợ chồng có hai con chung và thỏa thuận như sau:

Giao cháu Hoàng Minh Ng, sinh ngày 30/01/2011 và cháu Hoàng Minh Ch, sinh ngày 18/12/2014 cho chị Nguyễn Thị Thanh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu (Ng, Ch) đủ 18 tuổi. Anh Hoàng

Công V phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000đ/ tháng/02 cháu, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 4/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định, anh Hoàng Công V có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung , nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 6 ; Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm *(Thuận tình ly hôn)* là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* các đương sự phải chịu. Chị Nguyễn Thị Thanh Th thỏa thuận chịu toàn bộ. Án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng),* anh V phải chịu, nhưng chị Th nhận chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị Nguyễn Thị Thanh Th đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai số AA/2010/0009502 ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ H, tỉnh K T. Chị Nguyễn Thị Thanh Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Đăk Hring;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Trọng Hàn